

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/DS-PT

Ngày: 19 - 9 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng

Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 79/2022/TLPT-DS ngày 25/7/2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 02/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐ-PT ngày 03/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1962 (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th là ông Vũ Xuân H, sinh năm: 1957 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp 5B, xã Lộc T, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Ông Hoàng Ngọc N, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Bà Huỳnh Kim Th1 (Huỳnh Thị Kim Th1, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 5B, xã Lộc T, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Trần Thị Th trình bày:

Bà Trần Thị Th cho bà Huỳnh Kim Th1 vay tiền nhiều lần, với các lần cụ

thể như sau:

Vào ngày 12/01/2015, bà Trần Thị Th cho bà Huỳnh Kim Th1 vay số tiền 200.000.000đ, ngày 08/4/2015 cho bà Th1 vay tiếp số tiền 500.000.000đ, ngày 30/7/2015 cho vay 450.000.000đ, ngày 02/9/2015 cho vay 400.000.000đ, ngày 25/02/2016 cho vay 250.000.000đ, 23/3/2016 cho vay 300.000.000đ, ngày 24/3/2016 cho vay 150.000.000đ. Tổng số tiền vay 2.250.000.000đ, tiếp đến ngày 15/01/2017 bà Th1 và bà Th đã ngồi tính toán và thống nhất với nhau sau khi trừ đi các lần nợ bà Th1 đã trả cho bà Th thì số tiền nợ còn lại là 1.920.000.000đ, cùng ngày bà Th1 vay thêm bà Th số tiền 800.000.000đ, sau đó các bên ngồi thống nhất nợ gốc và tiền lãi thành số tiền 3.000.000.000đ giấy lập năm 2018. Khi vay tiền thì bà Th không biết là bà Th1 và chồng đã ly hôn, số tiền vay trên bà Th1 nói để đáo hạn Ngân hàng và để thu mua điều, bà Th1 đứng ra vay và nhận tiền. Khi vay có làm giấy tờ như bà Th đã cung cấp cho Tòa án.

Nay đã đòi nhiều lần nhưng bà Th1 không trả số tiền trên nên bà Th khởi kiện yêu cầu bà Th1 và ông N trả số tiền nợ là 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng), đồng thời yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 15/9/2018 đến ngày Tòa án giải quyết với lãi suất 1%/tháng.

Bị đơn ông Hoàng Ngọc N vắng mặt, tại bản tự khai ông N trình bày:

Ông Hoàng Ngọc N và bà Huỳnh Kim Th1 đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 77/2016/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện L. Kể từ khi ly hôn thì ông N và bà Th1 không còn sống chung với nhau. Hơn hai năm sau khi ly hôn bà Th1 có thỏa thuận vay tiền với bà Trần Thị Th số tiền vay là 3.000.000đ (ba tỷ đồng), khi vay số tiền trên ông N không hề biết và cũng không liên quan đến khoản nợ này. Do đó, nay bà Th khởi kiện yêu cầu ông N liên đới với bà Th1 trả số tiền vay 3.000.000đ và tiền lãi cho bà Th thì ông N không đồng ý.

Bị đơn bà Huỳnh Kim Th1 vắng mặt, tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bà Th1 trình bày:

Bà Huỳnh Kim Th1 thừa nhận có vay tiền của bà Trần Thị Th nhiều lần, tuy nhiên cụ thể số lần vay thì bà Th1 không nhớ, bà Th1 chỉ thừa nhận còn nợ bà Th là 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng). Các lần vay tiền của bà Th thì bà Th1 có ký vào các giấy xác nhận nợ mà bà Th ghi, về tiền lãi thì bà Th1 có trả cho bà Th nhưng trả số tiền bao nhiêu thì bà Th1 không nhớ.

Theo đơn khởi kiện của bà Th, bà Th1 chỉ chấp nhận trả cho bà Th số tiền 1.800.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 02/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th.

Buộc bà Huỳnh Kim Th1 (Huỳnh Thị Kim Th1 phải trả cho bà Trần Thị Th số tiền 3.470.728.767 đồng (*Ba tỷ bốn trăm bảy mươi triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*))

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 09/6/2022, nguyên đơn bà Trần Thị Th nộp đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Hoàng Ngọc N có nghĩa vụ liên đới cùng bà Huỳnh Kim Th1 phải trả cho bà số tiền 3.470.728.767 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Với những chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Th giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 02/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Th làm trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Th, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Bà Th và người đại diện theo ủy quyền là ông H cho rằng do các khoản tiền mà bà Th1 ký xác nhận vay tại 02 Giấy mượn tiền được xác lập cùng ngày 15/9/2018 là khoản tiền do bà Th1 vay nhiều lần từ năm 2015 trước khi bà Th1 và ông N ly hôn, hiện nay bà Th1 và ông N vẫn sống chung một nhà điều hành xưởng điều và trong quá trình cho vay bà Th1 và con gái vẫn trả lãi cho bà Th lấy từ việc kinh doanh xưởng điều nên bà Th1, ông N phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 3.479.728.767 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại 02 Giấy mượn tiền cùng đề ngày 15/9/2018 (bút lục số 19 và bút lục số 20) trong đó có 01 giấy ghi: “Tôi là Huỳnh Thị Kim Th1 ở ấp 5B, xã Lộc Tấn, Lộc Ninh Bình Phước có mượn của chị Trần Thị Th ở ấp 5B xã Lộc Tấn số tiền 2.400.000.000 đồng lãi suất 2%/tháng hẹn tới ngày 15/5/2019 dương lịch nếu sai hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật” và 01 giấy ghi: “Tôi là Huỳnh Thị Kim Th1 ở ấp 5B, xã Lộc Tấn, Lộc Ninh Bình Phước có mượn của chị Trần Thị Th ở ấp 5B xã Lộc Tấn số tiền 600.000.000 đồng lãi suất 2%/tháng hẹn tới ngày 15/9/2019 dương lịch sẽ trả lại nếu sai hoàn toàn chịu trách nhiệm, giấy nợ ghi làm 2 bản mỗi bên giữ 1 bản như nhau”. Như vậy, cả hai giấy trên chỉ đều thể hiện nội dung bà Th1 là người vay tiền của bà Th, ông N không tham gia giao dịch và không ký tên (bút lục số 19 và bút lục số 20). Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 77/2016/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2016 (bút lục 41) của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước về việc công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự thì bà Th1 và ông N đã ly hôn từ ngày 25/4/2016. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 77/2016/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2016 ông N bà Th1 cũng xác nhận họ không có khoản nợ chung với nhau, sự thừa nhận này được Tòa án công nhận là sự thật. Ông N và bà Th1 không thừa nhận số nợ có liên quan đến nghĩa vụ của ông N nhưng bà Th cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh ông N có trách nhiệm liên đới với khoản tiền 2.400.000.000đ mà bà đang khởi kiện và không chứng minh được số tiền bà Th1 xác nhận vay của bà Th theo các giấy mượn tiền ngày 15/9/2018 là tổng cộng các khoản tiền mà bà Th1 đã vay của bà Th từ năm 2015, trong thời kỳ bà Th1 và ông N còn đang trong thời kỳ hôn nhân. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, chính bà Th, ông H xác định gia đình bà Th, ông H và gia đình bà Th1, ông N 2 bên là hàng xóm khá thân thiết và trong quá trình bà Th cho vay tiền trước đây ông N không biết, chỉ đến ngày 17/01/2017 khi bà Th cho bà Th1 vay khoản vay cuối cùng 800 triệu đồng thì ông N mới biết việc bà Th cho bà Th1 vay tiền.

Do vậy, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc yêu cầu ông N có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Th1 trả cho bà số tiền còn nợ là có căn cứ, đúng pháp luật vì vậy yêu cầu kháng cáo của bà Th không được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Th phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Th;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 02/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 117, 119, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th.

Buộc bà Huỳnh Kim Th1 (Huỳnh Thị Kim Th1 phải trả cho bà Trần Thị Th số tiền 3.470.728.767 đồng (*Ba tỷ bốn trăm bảy mươi triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*), gồm 2.400.000.000 đồng nợ gốc và 1.070.728.767 đồng tiền lãi.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Th về việc buộc ông Hoàng Ngọc N liên đới cùng với bà Huỳnh Kim Th1 trả cho bà Th số tiền 3.470.728.767 đồng (*Ba tỷ bốn trăm bảy mươi triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*), gồm 2.400.000.000 đồng nợ gốc và 1.070.728.767 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Huỳnh Kim Th1 phải chịu 101.414.560 đồng (Một trăm lẻ một triệu bốn trăm mười bốn ngàn năm trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Th không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L trả lại cho bà Trần Thị Th số tiền 46.000.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu*) theo biên lai thu số 0009532 ngày 21 tháng 10 năm 2021.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Th phải chịu số tiền 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Th đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009918 ngày 22/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Tòa án ND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Chi Cục THADS huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Quý Chi